

Bản án số: 44/2025/HS-ST  
Ngày 02 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

*Thẩm phán:* Ông Trương Văn Hai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Ngân, bà Lê Thị Việt Kiều và ông Hứa Hoàng Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thanh Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Hương và ông Lê Tú Giang - Kiểm sát viên

Trong các ngày 19, 26 tháng 5 và ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/HSST-QĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2025/HSST-QĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hoàng M**, sinh ngày 06/9/1991 tại quận T, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng G và bà Huỳnh Thị B; vợ là Nguyễn Thị K và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Ông Trần Ngọc B1 là Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

*Người bị hại:*

1. Công ty TNHH T; địa chỉ: Số A đường T, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế D – Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1986; nơi

cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Ông Bùi Tiến D1, sinh năm 1961; nơi cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt vào các ngày 19, 26/5/2025 – vắng mặt ngày tuyên án 02/6/2025).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2017, Công ty T xác lập hợp đồng lao động với Nguyễn Hoàng M và phân công M1 làm việc tại Văn phòng đại diện tại số A đường T, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Theo nội dung hợp đồng, M1 được phân công nhiệm vụ bán thức ăn thủy sản tại khu vực thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Khoảng năm 2022, M1 thiếu nợ của nhiều người, không có khả năng thanh toán, nên nảy sinh ý định lừa bán thức ăn thủy sản cho những người có vùng nuôi thủy sản trên địa bàn các tỉnh miền T để tiêu xài và trả nợ. Để thực hiện, M1 đến gặp Bùi Tiến D1 (nuôi cá trên địa bàn tỉnh An Giang), đưa ra thông tin gian dối bán hàng thức ăn thủy sản cho D1 với giá 13.800 đồng/kg (rẻ hơn giá thị trường là 1.500 đồng/kg). Tin thật, D1 đặt mua 120 tấn, thành tiền là 1.608.000.000 đồng. Từ ngày 22/7/2022 đến 23/8/2022 D1 chuyển tiền vào tài khoản của M1 mở tại Ngân hàng S1 04 lần, tổng cộng 1.608.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền, không thấy M1 giao hàng, D1 liên hệ với Công ty T thì biết được M1 không được giao nhiệm vụ bán hàng tại địa bàn tỉnh An Giang và gian dối chiếm đoạt tiền của nhiều người nên Công ty T đã cho M1 nghỉ việc từ ngày 25/7/2023.

Ngoài ra, qua điều tra còn xác định: Từ ngày 27/10/2021 đến ngày 20/11/2021, M1 lấy tên khách hàng Lý Minh N (tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) đặt mua 56.345 tấn thức ăn thủy sản với số tiền 813.730.000 đồng. Xong, M1 thuê Nguyễn Thành V và Huỳnh Văn H1 đến kho hàng của Công ty T tại khu công nghiệp H, tỉnh Vĩnh Long nhận hàng, đem đến bán cho Nguyễn Hiệp M2 tại ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, lấy tiền tiêu xài. Sau khi vụ việc bị phát hiện, Công ty T và Bùi Tiến D1 gửi đơn tố giác hành vi của M1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A để xử lý theo thẩm quyền. Ngày 20/6/2024, M1 bị khởi tố để điều tra, xử lý.

\* Căn cứ Kết luận giám định số 1307/KL-KTHS ngày 19/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh A, kết luận:

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ viết của Nguyễn Hoàng M trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1, M2) do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Hoàng M trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ ký của Nguyễn Hoàng M trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1, M2) do cùng một người ký ra

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSAG-P2 ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

***Tại phiên tòa ngày 19/5/2025,***

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang giữ nguyên phần nội dung quy kết về hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền là 2.421.730.000 đồng thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng bổ sung thêm “điểm a” vào phần quyết định truy tố của cáo trạng.

Qua xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa.

Ngày 19/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Công văn số 37/2023/TB-TA yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang bổ sung, cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng M và yêu cầu của Công ty T về số tiền bị cáo Nguyễn Hoàng M đã chiếm đoạt cũng như phải hoàn trả lại cho công ty.

Ngày 26/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã cung cấp Biên bản đối chất giữa bị cáo Nguyễn Hoàng M với ông Nguyễn Quốc H là người đại diện của Công ty T; Biên bản đối chất giữa bị cáo Nguyễn Hoàng M với ông Lý Minh N; Biên bản xác minh đối với Trần Văn S; Hợp đồng lao động của Trần Văn S; Biên bản làm việc với người đại diện theo ủy quyền của Công ty T.

***Tại phiên tòa ngày 26/5/2025,***

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng M trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến hoặc bất kỳ khiếu nại về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Riêng đối với số tiền 813.730.000 đồng của Công ty T, bị cáo cho rằng đã có thỏa thuận và được sự đồng ý của khách hàng Lý Minh N trước khi bị cáo lấy mã Code của ông N đặt hàng rồi giao cho khách hàng tên H2 để hỗ trợ doanh thu cho ông N. Tuy nhiên, bị cáo không xác định được họ tên, địa chỉ, năm sinh của ông H2 mà cho biết ông H2 là người thuê đất để nuôi ếch tại thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Do ông H2 bỏ trốn, bị cáo không thu hồi được tiền để nộp cho công ty, chứ bị cáo hoàn toàn không chiếm đoạt.

Ông Nguyễn Quốc H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty T trình bày: M đã lấy tên của khách hàng để đặt đơn hàng không, chiếm đoạt của Công ty số tiền hơn 1.300.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện tại do hồ sơ bị thất lạc, không cung cấp được các chứng cứ chứng minh số tiền 365.895.000 đồng Minh đã chiếm đoạt mà thể hiện khách hàng Nguyễn Hiệp M2 còn nợ. Do đó, công ty chỉ yêu cầu trách nhiệm của M đối với số tiền 813.730.000 đồng của khách hàng Lý Minh N và phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền này, đồng thời cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho M.

Ông Bùi Tiến D1 trình bày: Sau khi xảy ra sự việc, ông đã nhiều lần liên hệ và M đã trả cho ông được 90.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu M phải hoàn trả lại cho ông số tiền còn lại là 1.518.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội: Căn cứ vào tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Hoàng M từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về phần trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Tiến D1 1.518.000.000 đồng; bồi thường cho Công ty T 813.730.000 đồng

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Trần Ngọc B1 thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về phần tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo đã thành khẩn ăn năn, bị cáo đã ra đầu thú, tự giác khai báo, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng đã ly hôn, đã bồi thường số tiền 90.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức của khung hình phạt thấp hơn mức Viện kiểm sát đã đề nghị từ 12 – 13 năm tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố và nhận thức được việc làm sai trái của bản thân, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Sự có mặt của các đương sự: Một số người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, giải quyết vụ án; mặt khác những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước phiên tòa. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất thừa nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 1.608.000.000 đồng của bị hại Bùi Tiến D1. Tuy nhiên, đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 813.730.000 đồng của Công ty T; mặc dù bị cáo không thừa nhận đã chiếm đoạt nhưng bị cáo không cung cấp được họ tên, địa chỉ của người tên H2 như lời khai nại của bị cáo. Đồng thời, căn cứ lời khai của ông Lý Minh N, ông Huỳnh Văn H1, ông Nguyễn Thành V, bà Nguyễn Hiệp M2 và bảng thống kê của Công ty T về số lượng bán hàng và các đơn hàng chưa thanh toán tiền hàng của khách hàng Lý Minh N đã chứng minh bị cáo đã sử dụng mã Code của khách hàng Lý Minh N để đặt hàng rồi thuê ông H1, ông V đến kho Công ty T nhận hàng, đem giao cho bà M2. Sau đó, bà M2 đã trả tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của M.

[2.2] Trên cơ sở đó, căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Từ ngày 22/7/2022 đến ngày 23/8/2022, do cần tiền tiêu xài và trả nợ vay của nhiều người nên Nguyễn Hoàng M nhiều lần đưa ra thông tin gian dối, lừa bán thức ăn thủy sản cho ông Bùi Tiến D1 để chiếm đoạt số tiền 1.608.000.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 27/10/2021 đến ngày 20/11/2021, M lấy tên của khách hàng để đặt đơn hàng không, chiếm đoạt của Công ty T số tiền 813.730.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 2.421.730.000 đồng. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa ngày 19/5/2025 về việc áp dụng thêm “điểm a” của khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự vẫn cùng trong một khoản, trong cùng một điều luật mà cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn nằm trong phạm vi “Giới hạn của việc xét xử” và đúng theo nguyên tắc “Xác định sự thật của vụ án” được quy định tại Điều 15 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị.

Như vậy, căn cứ pháp luật, Nguyễn Hoàng M đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm được quy định và trừng phạt tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[2.3] Đối với số tiền 365.895.000 đồng, Công ty T không cung cấp được hồ sơ, chứng từ; do đó, không đủ cơ sở chứng minh hành vi chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Hoàng M. Đồng thời, quá trình truy tố và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Công ty T cũng không yêu cầu đối với số tiền này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tính chất: Vụ án thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước bảo vệ đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương do đó cần có mức án nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo phạm tội nhiều lần với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, thấy rằng: Mặc dù bị cáo còn khai nại đối với số tiền đã chiếm đoạt của Công ty T, tuy nhiên đối với hành vi chiếm đoạt tiền của ông Bùi Tiến D1, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã ra đầu thú và bồi thường cho ông D1 số tiền 90.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe như đề xuất của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, hoàn cảnh hiện tại của bị cáo và gia đình khó khăn nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là không cần thiết, do vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền còn chiếm đoạt. Xét thấy, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại đến tài sản của các bị hại do đó buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Tiến D1 số tiền 1.518.000.000 đồng và Công ty T số tiền 813.730.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng M 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/6/2024).

*Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng M có trách nhiệm hoàn trả ông Bùi Tiến D1 số tiền 1.518.000.000 đồng (một tỷ năm trăm mười tám triệu đồng) và Công ty T số tiền 813.730.000 đồng (tám trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

*Về án phí:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hoàng M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 78.634.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 78.834.600 đồng (bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm đồng).

*Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV, Văn phòng;
- Lưu Tòa Hình sự; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**